

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030. Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1425/TTr-SKHCN ngày 14/4/2026 và Công văn số 1725/SKHCN-CĐS ngày 29/4/2026; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội;

Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Kế hoạch số 3629/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển chính quyền số đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu với trọng tâm là doanh nghiệp, ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; góp phần thúc đẩy, tạo đà hướng lên và duy trì mục tiêu tăng trưởng hai con số của tỉnh Lâm Đồng.

- Phát triển xã hội số văn minh, an toàn, bao trùm nhằm nâng cao chất lượng sống của người dân đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa thế giới, làm giàu đời sống tinh thần của người Việt Nam nói chung và của người Lâm Đồng nói riêng.

- Chuyển đổi số phải gắn liền với nguyên tắc bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu ngay từ khâu quy hoạch, thiết kế, đầu tư, xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

* Giai đoạn 2026 - 2027

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 80%.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 90% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 70%.
- 70% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 20% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.
- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

* Giai đoạn 2028 - 2030

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 100%.
- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 80%.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- Tỷ lệ thủ tục hành chính nội bộ được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 90%.

- Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, dùng chung đưa vào sử dụng theo kế hoạch đạt 100%.

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu đạt mức độ 3.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- Tỷ lệ nhiệm vụ thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số đạt 70%.

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn đạt 70%.

- Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số cấp tỉnh phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ đạt 90%.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- Tỷ lệ thủ tục hành chính nội bộ được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu đạt Mức độ 4 trở lên.

- Triển khai, tích hợp, vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh ứng dụng công nghệ AI, IoT, 5G, vệ tinh, UAV,... tiên tiến; Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại tỉnh.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách CNTT được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản đạt 100%.

- Tỷ lệ nhiệm vụ thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ quan thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số đạt 100%.

- Có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn đạt 100%.

- Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số cấp tỉnh phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ đạt 100%.

- 100% các ứng dụng, nền tảng sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- Tỷ lệ doanh nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ số và tham gia giao dịch điện tử đạt 90%.

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% trên GRDP.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 70%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 50%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt 2%.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- Tỷ lệ doanh nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ số và tham gia giao dịch điện tử đạt 100%.

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% trên GRDP.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 70%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt 3%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ người dân có Số sức khỏe điện tử đạt trên 90%.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 80% trên địa bàn.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 của tỉnh đạt 70%.
- 90% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 90% hộ gia đình có kết nối Internet.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt từ 95% trở lên.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.
- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ người dân có Số sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% trên địa bàn.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 100% cho toàn bộ mạng internet trong tỉnh.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả triển khai chuyển đổi số, dịch vụ đô thị thông minh của các sở, ngành, địa phương.

- Tăng cường công tác chỉ đạo về chuyển đổi số của lãnh đạo các cấp thông qua việc ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức họp Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 các cấp để triển khai chuyển đổi số.

- Gắn việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các sở, ngành, địa phương; tăng cường tham mưu các văn bản, chính sách có liên quan đến chuyển đổi số do trực tiếp người đứng đầu các cơ quan, đơn vị ký ban hành và chỉ đạo điều hành.

2. Thể chế, chính sách số

- Bám sát các văn bản của Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, cụ thể hóa tại địa phương đảm bảo nguyên tắc kịp thời, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn và phát huy các thế mạnh sẵn có của tỉnh. Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương như chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập; chính sách thu hút hình thành khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung...

- Xây dựng Khung kiến trúc số cấp tỉnh theo Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Ban hành các chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển doanh nghiệp số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và nguồn nhân lực số.

- Ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh. Quy định cụ thể về trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước theo nguyên tắc "Dữ liệu của cơ quan nhà nước mặc định mở và chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật quy định khác".

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 3543/KH-UBND ngày 16/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2025 - 2030.

- Thực hiện nghiêm túc "Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030", hướng đến mục tiêu đạt tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 100% cho toàn bộ mạng internet trong tỉnh. Nghiên cứu, ban hành kế hoạch cụ thể để chuyển đổi hạ tầng mạng lưới, dịch vụ công, công thông tin điện tử sang hỗ trợ IPv6, tiến tới tắt bỏ hoàn toàn IPv4.

- Duy trì vận hành, khai thác có hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng để sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Từng bước đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (5G/6G) trên phạm vi toàn tỉnh; thực hiện chương trình thúc đẩy sử dụng điện thoại thông minh cho người dân; nâng cao tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại thông minh.

- Tiếp tục nâng cao và duy trì dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng băng thông rộng; rà soát, phủ sóng ở các vùng trắng, vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động bảo đảm theo mục tiêu của Kế hoạch số 9426/KH-UBND ngày 19/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện khắc phục các khu vực lõm sóng di động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng dùng chung, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh theo mô hình điện toán đám mây đủ năng lực phục vụ chính quyền số tuân thủ

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Kết nối nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới, hải đảo góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

4. Nhân lực số

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh. Chú trọng, tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh về dữ liệu, AI, an toàn thông tin cho cơ quan nhà nước.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết cho người dân áp dụng trong cuộc sống hàng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng những thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghiên cứu áp dụng các cơ chế đặc thù về lương, thưởng, chế độ làm việc để thu hút nhân tài công nghệ thông tin vào khu vực công, dựa trên các quy định mở của Luật Chuyển đổi số.

- Bồi dưỡng tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, đô thị thông minh và an toàn thông tin mạng nhằm trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm mô hình, giải pháp hay cho chuyển đổi số.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tập trung, triển khai xây dựng có hiệu quả dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng” đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, phục vụ cho chuyển đổi số tỉnh.

- Triển khai các công cụ rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu. Đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống". Nâng cao mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu lên cấp độ 4 vào năm 2030.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch công bố dữ liệu mở của tỉnh, bao gồm danh mục dữ liệu mở ưu tiên, lộ trình công bố, phương thức truy cập, trách nhiệm cập nhật và tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng, tái sử dụng dữ liệu mở. Việc cung cấp dữ liệu mở được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành. Công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới.

- Triển khai các cơ chế, chính sách của bộ, ngành Trung ương để thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

- Vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) của tỉnh; mở rộng giám sát, cảnh báo sớm, điều phối ứng cứu sự cố đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước trên địa bàn; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát với Trung tâm An ninh mạng quốc gia theo quy định.

- Hàng năm tổ chức tối thiểu một cuộc diễn tập thực chiến hoặc mô phỏng tấn công mạng cấp tỉnh, tập trung vào các kịch bản có nguy cơ cao như mã độc tổng tiền, lộ lọt dữ liệu, tấn công vào dịch vụ công, lừa đảo trực tuyến, chiếm quyền điều khiển tài khoản quản trị, tấn công vào hệ thống dữ liệu dùng chung; huy động sự tham gia của các sở, ban, ngành có hệ thống thông tin trọng yếu và các đơn vị có năng lực trong triển khai giải pháp bảo mật, an toàn thông tin mạng.

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống lộ lọt dữ liệu.

- Ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến (Deepfake).

7. Chính quyền số

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động số 10086/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Chương trình phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Sử dụng có hiệu quả các ứng dụng, nền tảng số đã được các Bộ, ngành, Trung ương chuyển giao. Kết nối, liên thông dữ liệu với dữ liệu của tất cả các hệ thống bộ, ngành Trung ương. Phát triển các nền tảng số dùng chung của tỉnh, các cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Vận hành có hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lâm Đồng (IOC tỉnh). Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô

thị, môi trường,... Không chỉ dừng lại ở việc hiển thị biểu đồ thống kê (Descriptive Analytics) mà phải tiến tới phân tích dự báo (Predictive Analytics) và cảnh báo sớm các vấn đề kinh tế - xã hội.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các sở, ngành, đơn vị, địa phương.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Thúc đẩy các hoạt động nhằm kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước đầu tư hoặc mở chi nhánh hoạt động tại tỉnh Lâm Đồng.

- Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa nông sản đặc biệt là nông sản vùng xa, vùng cao, miền núi lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh đặc biệt là các sản phẩm OCOP.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, đưa vào sử dụng các nền tảng chuyển đổi số trong doanh nghiệp như ứng dụng tích hợp các sàn thương mại điện tử và các nền tảng số trong doanh nghiệp do các doanh nghiệp trong tỉnh hoặc trên toàn quốc triển khai. Tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ, các khóa đào tạo, tập huấn nhằm tạo môi trường chia sẻ kiến thức chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các giải pháp thu hút người dân tạo tài khoản giao dịch tại ngân hàng; cấp thẻ ngân hàng, ví điện tử cho người dân.

- Tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai cấp phát chữ ký số cho người dân, tăng tỷ lệ sử dụng hợp đồng điện tử trong các giao dịch giữa người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” theo Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong tiến trình chuyển đổi số, và hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân tiếp cận kỹ năng số cơ bản, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các nền tảng số của tỉnh.

- Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ duy trì hoạt động và tài liệu hướng dẫn đặc thù cho Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn, đặc biệt chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai có hiệu quả, thường xuyên, liên tục các hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng nhằm lan tỏa các hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp với người dân.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ số và các giải pháp khoa học - công nghệ phù hợp để nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Phối hợp với bộ, ngành Trung ương tham gia các chương trình hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu hàng đầu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ dữ liệu mở, phát triển trí tuệ nhân tạo, bảo đảm an ninh mạng và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá hoạt động chỉ đạo của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh gắn kết với cải cách hành chính của tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động như: ứng dụng các kênh truyền thông như mạng xã hội, cổng/trang thông tin điện tử để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số; tích hợp nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân trưởng thành.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyên ngành, nâng ngạch, ...

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức có liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn,...

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

- Là đầu mối hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu; chủ động phối hợp nắm bắt những khó khăn, vướng mắc đề xuất phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì quản trị, điều phối, kết nối, chia sẻ, khai thác và phát triển hạ tầng dữ liệu, hệ sinh thái dữ liệu cấp tỉnh; tham mưu ban hành các quy định, cơ sở pháp lý; xây dựng, quản lý hạ tầng dữ liệu và dữ liệu dùng chung của tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu, phát triển, bảo vệ dữ liệu của tỉnh bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, không trùng lặp và tuân thủ đúng quy định pháp luật, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia. Hướng dẫn, giám sát các cơ quan, đơn vị khi triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đảm bảo tuân thủ khung kiến trúc số tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin với nhau theo quy định.

- Tham mưu kiểm chứng đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) tỉnh.

- Tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số và phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu phương án giải quyết, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan thẩm định, tham mưu bố trí, cân đối các nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo phù hợp khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

3. Công an tỉnh

- Chủ trì công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các biện pháp an ninh, an toàn trong quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Chủ trì triển khai vận hành Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) tỉnh.

- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành trong việc kết nối, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.

- Là đầu mối phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trao đổi với các Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cục Cảnh sát QLHC về TTXH) để được hướng dẫn nhiệm vụ liên quan kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Công an tỉnh tham gia phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh.

4. Ngân hàng Nhà nước tỉnh chi nhánh Khu vực 10

Chủ trì, chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai nội dung liên quan đến tỷ lệ người dân có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác và triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ Kế hoạch này, hằng năm, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện để bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch này; gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Thường xuyên tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực chuyển đổi số ngành, lĩnh vực cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, bảo đảm khả năng vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin, dịch vụ số.

- Các sở, ban, ngành thường xuyên rà soát, đánh giá, nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số chuyên ngành, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước và bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị. Tổ chức các biện pháp cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Triển khai các phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho các cơ sở dữ liệu đã, đang và sẽ xây dựng, triển khai trong phạm vi quản lý.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (Nhiệm vụ, dự án chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) xem xét, chỉ đạo giải quyết.✈

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - TT TU; TT HĐND tỉnh;
 - Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh ;
 - Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Phúc);
 - Công an tỉnh;
 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
 - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh KV10 ;
 - Các cơ quan thuộc ngành dọc
- Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
 - BQL các Khu Công nghiệp tỉnh;
 - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch;
 - UBND các xã, phường, đặc khu;
 - Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh;
 - Các doanh nghiệp viễn thông;
 - TT HCC, TTTT&HN (để biết, thực hiện);
 - Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Phúc



PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 6388/KH-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
I	Nhận thức số			
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, hội thi chuyên đề về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
3	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
4	Biểu dương, khen thưởng và tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến có cách làm hay về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
5	Triển khai các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng	UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ngành	2026 - 2030
II	Thể chế số			
1	Triển khai chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP và Thông tư số 23/2025/TT-BKHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
2	Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách liên quan ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
3	Tổ chức triển khai thực hiện chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực CNTT có chất lượng làm việc trong các cơ quan, đơn vị của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
4	Xây dựng chính sách tạo thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
5	Xây dựng các quy định, quy chế về xây dựng, phát triển và sử dụng dữ liệu của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
6	Xây dựng các quy định, quy chế về quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
7	Xây dựng các quy định, quy chế về an toàn thông tin	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
8	Xây dựng Khung kiến trúc số tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ		Năm 2026
9	Xây dựng Khung kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	Năm 2026
III	Hạ tầng số			
1	Duy trì, nâng cao chất lượng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
2	Dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
3	Triển khai dịch chuyển các hệ thống thông tin lên Trung tâm dữ liệu quốc gia		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
4	Duy trì, nâng cấp hệ thống Campus Trung tâm hành chính tỉnh, các trung tâm dữ liệu			2026 - 2030
5	Gia hạn bản quyền các thiết bị tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh			2026 - 2030
6	Trang thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất Trung tâm Điều hành thông minh		UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ngành

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
7	Phát triển hạ tầng cáp quang chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 4G, 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hàng năm
8	Phát triển hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ của các cơ quan, đơn vị đảm bảo an toàn thông tin mạng; thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số (đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, thông suốt)	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2027
9	Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống hội nghị truyền hình của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
10	Duy trì, nâng cấp, thay thế thiết bị của Hệ thống hội nghị truyền hình tại 124 điểm cầu (UBND tỉnh: 04 điểm cầu; 248 điểm cầu UBND các xã, phường, đặc khu (01 điểm cầu khối đảng; 01 điểm cầu khối chính quyền)	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
11	Mua sắm trang thiết bị, phần mềm phục vụ công tác của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
12	Lắp đặt hệ thống kiểm soát ra vào thông minh tại cổng trụ sở các cơ quan trọng yếu của tỉnh		2026	
13	Đầu tư nâng cấp, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cơ sở giam giữ thuộc Công an tỉnh		2026	
14	Đầu tư nâng cấp, lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các Cơ sở cai nghiện ma túy		2026	
15	Mua sắm thiết bị triển khai hoạt động Khám chữa bệnh từ xa cho các phòng mổ các CSKCB tuyến tỉnh và khu vực	Sở Y tế		2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
16	Nâng cấp, mở rộng hệ thống ứng dụng viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh và thiết bị di động trong tuần tra, xác minh, giám sát tài nguyên rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027
17	Mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ hệ thống giám sát, cảnh báo sớm cháy rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng			2026 - 2027
18	Đầu tư công nghệ IoT trong theo dõi, giám sát, tự động hóa vận hành hệ thống thủy lợi hồ Ka La			2026 - 2027
19	Trang bị Kiosk dịch vụ công và Hệ thống bắt số tự động cho hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng			2026 - 2027
20	Đầu tư hệ thống phòng họp trực tuyến	Sở Dân tộc và Tôn giáo		2027
21	Trang bị máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng đáp ứng nhu cầu xử lý công việc của công chức tại Sở Tài chính	Sở Tài chính		2026
22	Trang bị máy vi tính, máy in đảm bảo công tác soạn thảo, xử lý mật của các Phòng tại Sở Tài chính			2026
23	Hoàn chỉnh hệ thống phòng họp không giấy tại Sở chỉ huy Bộ CHQS tỉnh Lâm Đồng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		2026
IV	Dữ liệu số			
1	Phòng họp không giấy tờ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
2	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh			
3	Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Lâm Đồng			
4	Triển khai Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng và các Trang thông tin điện tử thành phần Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu			

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	
5	Xây dựng sở tay nghiệp vụ ngành KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030	
6	Hệ thống quản lý văn bản điều hành tỉnh			2026 - 2027	
7	Ứng dụng Công dân số			2026 - 2027	
8	Duy trì nền tảng chia sẻ, kết nối dữ liệu tỉnh Lâm Đồng (LGSP)			2026 - 2027	
9	Dự án Xây hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027	
10	Số hóa, định danh điện tử, Internet vạn vật (IOT), Dữ liệu lớn (Big Data), Trí tuệ nhân tạo (AI), Nền tảng chuỗi khối (Blockchain)		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027	
11	Xây dựng chuyên trang "Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng"			Năm 2026	
12	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc phạm vi chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP			Năm 2026	
13	Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lâm Đồng (IOC tỉnh)		Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ngành liên quan	Theo dự án Xây hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng	
14	Dự án “Số hóa tài liệu tập trung ” thuộc “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
15	Dự án “Phát triển dữ liệu số và số hóa tài nguyên di sản văn hóa tỉnh Lâm Đồng” thuộc “Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”			Các sở, ngành; UBND các xã, phường; đặc khu	2026 - 2028
16	Số hóa thực tế ảo VR360 các điểm du lịch tỉnh		Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; đặc khu	2026

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
17	Xây dựng phần mềm quản lý chuyên ngành nông nghiệp và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027
18	Lắp đặt hệ thống quan trắc mức nước, lượng mưa, lưu lượng và giám sát vận hành các hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh			2026 - 2027
19	Xây dựng CSDL lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (rừng, thủy lợi, trồng trọt, tàu cá; nuôi trồng thủy, hải sản; sản phẩm OCOP; cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản...)		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
20	Xây dựng phần mềm quản lý, thu thập dữ liệu, cảnh báo sớm thiên tai (trên cơ sở hợp nhất dữ liệu 3 tỉnh cũ; cảnh báo lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất...) / Phần mềm quản lý, thu thập dữ liệu, cảnh báo thiên tai trên nền tảng Zalo Mini App			2026 - 2027
21	Xây dựng CSDL lĩnh vực tư pháp (xử lý vi phạm hành chính)	Sở Tư pháp	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030
22	Xây dựng CSDL lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã; dự án đầu tư)	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2030
23	Xây dựng CSDL lĩnh vực tài chính		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027
24	Dự án xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Sở Y tế		2026
25	Nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin Bệnh viện II Lâm Đồng			2026
26	Triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh			2026 - 2027
27	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) ngành y tế		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
28	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử			2026 - 2030
29	Xây dựng CSDL lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe)			2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
30	Phát triển hệ sinh thái CSDL lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
31	Số hóa dữ liệu văn bằng tốt nghiệp THPT đã cấp và chứng chỉ tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 1985 - 2025			2026
32	Xây dựng CSDL lĩnh vực nội vụ (tài liệu lưu trữ lịch sử; hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp)	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
33	Xây dựng CSDL lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội (người có công, lao động, việc làm)		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
34	Đề án số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ Người có công thuộc Sở Nội vụ quản lý trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2026 - 2027			2026 - 2027
35	Số hóa tài liệu lưu trữ tại kho Lưu trữ lịch sử tỉnh Lâm Đồng			2026 - 2030
36	Xây dựng CSDL lĩnh vực xây dựng (hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp phép xây dựng)	Sở Xây dựng	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
37	Xây dựng CSDL lĩnh vực giao thông (hạ tầng giao thông)		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
38	Xây dựng CSDL quản lý khu công nghiệp	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
39	Chỉnh lý, số hóa tài liệu và triển khai hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ số hóa	Thanh tra tỉnh		2026 - 2030
40	Xây dựng hệ thống thông tin nghiệp vụ ngành Công Thương tỉnh Lâm Đồng	Sở Công Thương	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
41	Hệ thống CSDL dùng chung ngành Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ		2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
42	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu dân tộc và tôn giáo tỉnh Lâm Đồng; Số hóa dữ liệu về quản lý công tác dân tộc và tôn giáo trên địa bàn tỉnh	Sở Dân Tộc và Tôn Giáo		2026 - 2030
V	Nền tảng số			
1	Phát triển hệ sinh thái số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức (tích hợp kho dữ liệu tỉnh, các nền tảng số, xác thực tập trung, trợ lý ảo...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
2	Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ công tác tổng hợp, xử lý văn bản ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2025 - 2027
3	Triển khai Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính của tỉnh gắn với sử dụng Tổng đài 1022	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
4	Triển khai Nền tảng trợ lý ảo du lịch đa ngôn ngữ	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2028
5	Xây dựng nền tảng kết nối dữ liệu y tế với kho dữ liệu tập trung về dân cư và bảo hiểm để thực hiện đề án 06	Sở Y tế		2026
6	Triển khai phần mềm giám sát thông tin trên không gian mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
7	Triển khai hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
8	Hệ thống thông tin quản lý về an sinh xã hội	Sở Nội vụ	UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
9	Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lâm Đồng		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2027
10	Hệ thống thông tin Quản lý người có công		UBND các xã, phường, đặc khu	2026

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
11	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục Lâm Đồng	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
12	Xây dựng Hệ thống nghiệp vụ ngành Công Thương	Sở Công Thương	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
13	Xây dựng Hệ thống quản lý thông tin hạ tầng kỹ thuật đô thị và cấp phép xây dựng tỉnh Lâm Đồng	Sở Xây dựng	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
14	Xây dựng Hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
15	Triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường			2026 - 2027
16	Nâng cấp trang thông tin thương mại điện tử www.nongsandalatlamdong.vn			2026 - 2027
17	Nâng cấp hệ thống WebGIS thuộc dự án “Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát khai thác tài nguyên khoáng sản”			2026
18	Triển khai phần mềm xử lý chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp	Thanh tra tỉnh		2027 - 2030
19	Triển khai phần mềm theo dõi kết luận thanh tra			2027 - 2030
20	Triển khai phần mềm quản lý tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo			2027 - 2030
21	Duy trì hoạt động hệ thống giám sát, quản lý tập trung cấp tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
VI	Nhân lực số			
1	Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
2	Đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho đối tượng chuyên trách chuyển đổi số (bao gồm lĩnh vực an toàn thông tin mạng)		Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình
3	Tập huấn sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi và thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027
4	Tập huấn về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng		2026
5	Bồi dưỡng nghiệp vụ BIM chuyên sâu trong công tác thẩm định, giám sát, quản lý chất lượng công trình			2026
VII	An toàn thông tin mạng			
1	Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
2	Duy trì vận hành, nâng cấp, hoàn thiện, nâng cao năng lực hệ thống Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC) tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030
3	Hoàn thiện triển khai phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
4	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin	Công an tỉnh	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
5	Thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030